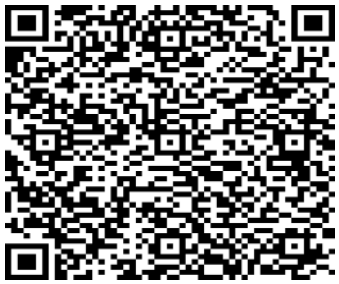
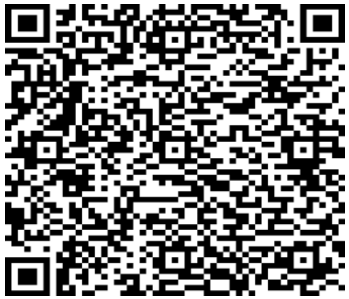
LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số *72/2025/QH15;*
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;
Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;
Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố quy định một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 10162/TTr-SYT ngày 31 tháng 7 năm 2026.
UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định ban hành Quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố quy định một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

THEO NGHỊ ĐỊNH 335/2026/NĐ-CP NGÀY 21/8/2026
Căn cứ Quyết định số 3033/QĐ-BYT ngày 29 tháng 9 năm 2026
về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung và bị bãi bỏ
lĩnh lực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ y tế.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NIÊM YẾT BẰNG MÃ QR

TT	MÃ TTHC	TÊN THỦ TỤC	THỜI GIAN	ĐƯỜNG LINK	MÃ QR
1	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Thời hạn giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc (24 giờ làm việc) kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	https://motcua.danang.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/685f9af18ab0bd7d9e560176?processDefinition=68a87df6c0a7fb02be3f85cb&eForm=637307ead32f880018fb7367&applicantEForm=6348c005eec2d2001ef9007a	
2	1.116908	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Quy trình: 7 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/6ac52df5e6949b1bd49665d5?processDefinition=6ac52df5e6949b1bd49665d8&eForm=692fffa1308cdc0019d2c716&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	

3	1.116909	Thực hiện trợ cấp xã hội và nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng	Quy trình: 7 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/6ac516054c3f3507c19eb91a?processDefinition=6ac516064c3f3507c19eb91d&eForm=692fffa1308cdc0019d2c716&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	
4	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Quy trình: 3 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/692e45972fb610046865ea65?processDefinition=692e45972fb610046865ea67&eForm=692fffa1308cdc0019d2c716&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	
5	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/6927b4952fb61004686434c9?processDefinition=6a058b1f404a176184441add&eForm=69fd5d9e8bd0e9001933cab1&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	

6	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	5 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/6927b4da2fb61004686439df?processDefinition=6a058eff404a1761844427d7&eForm=69fd5e16f9a94300194928c9&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	
7	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/691d3a5227a0c44efaf9d671?processDefinition=694e378df5c00429089d5ec9&eForm=692fffa1308cdc0019d2c716&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	
8		Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/692e417f2fb610046865cbf2?processDefinition=6a0a96517d79c09cff444224&eForm=692fffa1308cdc0019d2c716&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	

9	1.116907	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	25 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/6ac51a4d82baea3a8f8ebbf2?processDefinition=6ac51a4d82baea3a8f8ebbf4&eForm=692fffa1308cdc0019d2c716&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NIÊM YẾT BẰNG MÃ QR
LĨNH VỰC ATTP

TT	MÃ THỦ TỤC	TÊN THỦ TỤC	THỜI GIAN	ĐƯỜNG LINK	MÃ QR
1	1.013858	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong siêu thị và trung tâm thương mại	Thực hiện theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ	https://dichvucongbyt.moh.gov.vn/vi/padsvc/apply-online/69b400cdff07456f86e99c17?agency=431592ecf7ab485316431592&process=69b400cdff07456f86e99c1e&showEdit=0&agencyName=UBND%20X%C3%A3%20H%C3%A0%20Nha,%20UBND%20Th%C3%A0nh%20ph%E1%BB%91%20%C4%90%C3%A0%20N%E1%BA%B5ng,%20Th%C3%A0	

				nh%20ph%E1%BB%91%20H%E1%BB%93%20Ch%C3%AD%20Minh&vnconnect=1&vneid=1	
2	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	Thực hiện theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ	https://motcua.moh.gov.vn/vi/dossier/reception/receiving/69b400cdff07456f86e99c17?processDefinition=6a17a9fc3d76a7578cfe7f70&eForm=692fffa1308cdc0019d2c716&applicantEForm=691a96fd308cdc0019d2c696	
4	2001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thực hiện theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ	https://dichvucong.gov.vn/tim-kiem-thu-tuc-hanh-chinh?formalityId=019d2bfa-b57f-73cc-856f-0255333fcb48&province=019bad30-cd8b-72c7-aa01-1003dfaa3fd4&ministry=&ward=019bad30-cd8c-72bb-9479-af503b4b2051&searchType=PROVINCE&commune=WARD&provinceCode=48&wardCode=20515	

PHẦN II

NỘI DUNG TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC NIÊM YẾT LĨNH VỰC Y TẾ

1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực

(1) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống, sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Chương III Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018 thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm qua đường bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến hoặc nộp trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở trong thời hạn 05 làm việc ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp quá 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo, cơ sở không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ của cơ sở không còn giá trị. Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ mới để được cấp Giấy chứng nhận nếu có nhu cầu. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thành lập đoàn thẩm định hoặc ủy quyền thẩm định và lập Biên bản thẩm định theo Mẫu số 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp uỷ quyền thẩm định cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới thì phải có văn bản ủy quyền; Đoàn thẩm định do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ra quyết định thành lập có từ 3 đến 5 người. Trong đó có ít nhất 02 thành viên làm công tác về an toàn thực phẩm (có thể mời chuyên gia phù hợp lĩnh vực sản xuất thực phẩm của cơ sở tham gia đoàn thẩm định cơ sở).

Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018.

Trường hợp kết quả thẩm định tại cơ sở chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục, đoàn thẩm định phải ghi rõ nội dung, yêu cầu và thời gian khắc phục vào Biên bản thẩm định với thời hạn khắc phục không quá 30 ngày. Sau khi có báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở, trong thời hạn 05 ngày làm việc Đoàn thẩm định đánh giá kết quả khắc phục và ghi kết luận vào biên bản thẩm định. Trường hợp kết quả khắc phục đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 Chương III được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018.

Trường hợp kết quả khắc phục không đạt yêu cầu thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo kết quả thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu bằng văn bản cho cơ sở và cho cơ quan quản lý địa phương;

Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

Trường hợp thay đổi tên của doanh nghiệp hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ

(2) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu số 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018);

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở);

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

d) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp.

c) Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

- Số lượng hồ sơ: **01 bộ**.

(4) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc

(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: UBND xã

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Văn hóa – Xã hội xã

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Trung tâm Y tế xã.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

(8) Lệ phí, phí (nếu có):

- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

- Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở. 3.500.000 đồng/lần/cơ sở

- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng /lần/cơ sở

- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

I. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống

1. Tuân thủ các quy định tại Điều 28, 29 và Điều 30 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

a) Thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

b) Thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh và không gây ô nhiễm cho thực phẩm;

2. Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.".

II. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế 1. Tuân thủ các quy định tại Điều 19, 20, 21, 22, 25, 26 và Điều 27 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

a) Quy trình sản xuất thực phẩm được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng;

b) Tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất, kinh doanh, kho sản phẩm không thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc;

c) Trang thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dễ làm vệ sinh, không thôi nhiễm chất độc hại và không gây ô nhiễm đối với thực phẩm;

d) Có ủng hoặc giầy, dép để sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm;

đ) Bảo đảm không có côn trùng và động vật gây hại xâm nhập vào khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; không sử dụng hoá chất diệt chuột, côn trùng và động vật gây hại trong khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm;

e) Không bày bán hoá chất dùng cho mục đích khác trong cơ sở kinh doanh phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

2. Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

III. Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm

1. Đáp ứng các quy định chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 21 Luật an toàn thực phẩm.

2. Chỉ được phối trộn các phụ gia thực phẩm khi các phụ gia thực phẩm đó thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định và sản phẩm cuối cùng của sự phối trộn không gây ra bất cứ tác hại nào với sức khỏe con người; trường hợp tạo ra một sản phẩm mới, có công dụng mới phải chứng minh công dụng, đối tượng sử dụng và mức sử dụng tối đa.

3. Việc sang chia, san, chiết phụ gia thực phẩm phải được thực hiện tại cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và ghi nhãn theo quy định hiện hành.

(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010.

- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phú
- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính
- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế.

Mẫu số 1

(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày..... tháng. năm 20….

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi:.....

Họ và tên chủ cơ sở: .....

Tên cơ sở sản xuất đề nghị cấp Giấy chứng nhận:..……..... Địa chỉ cơ sở sản xuất:…….…….. Điện thoại:.....Fax:.....

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sản xuất (*loại thực phẩm và dạng sản phẩm*…):.....

CHỦ CƠ SỞ
(Ký & ghi rõ họ tên)